TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST
Ngày 12/01/2021
"V/v ly hôn giữa chị H và anh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đàm Chí Thân

2/ Bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh : Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX - ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020 ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1988.

Nơi ĐKNKTT: Khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn C kết hôn với nhau vào tháng 4/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh C tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau. Hai bên sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đó cho đến nay. Gia đình cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015, hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con, chị có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn C trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau vào tháng 4/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau. Hai bên sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình cùng chính quyền địa phương động viên hòa giải nhiều lần, bản thân anh cũng đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng có thể khắc phục được. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015, hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh C đề nghị được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, anh có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H và anh C, xong anh C vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Toà án đã lập biên bản về

việc hoà giải đoàn tụ không thành làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường P, thị xã Q nơi chị H và anh C đăng ký kết hôn, ông Dương Văn T trưởng khu 8 và ông Lê Đức Đ chủ tịch UBND phường P, thị xã Q cho biết, Chị Trần Thị H và anh Lê Văn C kết hôn với nhau vào tháng 4/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh C tại khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau. Hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay, địa phương cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh C có 01 con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015, hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu vợ chồng không về đoàn tụ được đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* ***Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với các đương sự: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 BLTTDS. Đã chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, có mặt khi Tòa án triệu tập và có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên Tòa án hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị H có mặt đã chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 BLTTDS. Bị đơn anh Lê Văn C đã được tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

3.Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H. Xử chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C. Giao con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015 cho cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Q nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Trần Thị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lê Văn C có địa chỉ khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tống đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Chị H và anh C sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm giữa chị và anh C không còn, cuộc sống

chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh C. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H với anh Lê Văn C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh C có 01 con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015 chị H và anh C đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, trong bản tự khai cũng như quá trình tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị H và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, hai bên đều không yêu cầu phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà mặc dù các anh C vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và biên bản hòa giải các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Căn cứ vào các tài liệu đương sự giao nộp cũng như do Tòa án tiến hành thu thập và tại phiên tòa thì thấy, hiện nay chị H đang làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 08 đến 10 triệu đồng và có chỗ ở ổn định, còn anh C hiện nay đang làm nghề đánh bắt thủy sản, thường xuyên vắng nhà. Từ khi hai bên sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại cháu H đang được chị H và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng rất chu đáo.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, mặt khác cháu H còn nhỏ và để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như theo nguyện vọng của con chung, nên giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Trong bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này chị H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Công H, sinh ngày 05/7/2015 cho chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn chị Hoàn đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000119 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

4. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt nguyên đơn chị Trần Thị H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn anh Lê Văn C báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- VKSND TX Q;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Q;
- Các đương sự;
-UBND phường P, TX Q (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Điền